

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2026/HS-PT

Ngày: 12/6/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thị Bé

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Ông Phan Vĩnh Chuyển

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026 tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 109/2026/TLPT-HS ngày 14 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo Mai Thị Kim X do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2026/HSST ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo: Mai Thị Kim X. Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 07/10/1990 tại thành phố Đà Nẵng; CCCD số: 048190005151, cấp ngày 28/7/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Bộ C1. HKTT: K15/H2/27 đường P, phường H, thành phố Đà Nẵng. Nơi ở hiện nay: K đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Lê Khắc D (sinh năm: 1979) và bà Mai Thị Kim T (sinh năm: 1972). (Đều còn sống). Gia đình có 01 người con, bị cáo là con duy nhất. Có chồng là Thái Bửu N (sinh năm: 1984) và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013 và con nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 01/01/2024, Công ty TNHH C2 (Gọi tắt là

Công ty C2) có địa chỉ: Khu A, đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng, do ông Trương Quang C làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật, ký kết Hợp đồng lao động với Mai Thị Kim X. Theo Hợp đồng và Nội quy, quy trình làm việc kèm theo, X được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty C2 với vị trí "*Nhân viên bán hàng*" kể từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, có nhiệm vụ: Tìm kiếm khách hàng mới là các cửa hàng tạp hóa; làm việc với các khách hàng cũ có nhu cầu nhập mặt hàng sữa Nutifood thuộc tuyến S - N, thành phố Đà Nẵng. Sau khi thỏa thuận được với khách hàng về loại mặt hàng và số lượng cần nhập, X phải báo về hệ thống của Công ty (thực hiện trên máy tính bảng của Công ty cấp cho nhân viên bán hàng, cài đặt sẵn phần mềm quản lý đơn hàng PMS). Kế toán Công ty là chị Nguyễn Thị Minh T1 sẽ tổng hợp đơn, sau đó duyệt đơn và chuyển đơn cho bộ phận quản lý kho xuất hàng cho bộ phận giao hàng để giao cho khách rồi trực tiếp thu tiền về. Trường hợp khách trả tiền ngay thì nhân viên phải cung cấp số tài khoản để khách hàng chuyển trực tiếp vào tài khoản của ông C hoặc ông Nguyễn Tôn Minh T2 (là nhân viên phụ trách tài chính của Công ty C2), hoặc đưa tiền mặt cho bộ phận giao hàng để đem về nộp lại cho Công ty (khách hàng sẽ ký xác nhận đã thanh toán vào Phiếu giao hàng). Trường hợp khách nợ tiền hàng, khách hàng sẽ ký công nợ trên Phiếu giao hàng, bộ phận giao hàng mang Phiếu về giao lại cho kế toán để theo dõi. Sau 07-10 ngày, kế toán Công ty sẽ tổng hợp công nợ của khách hàng, trực tiếp thu công nợ. Tuy nhiên, do điều kiện ban đầu mới thành lập, nhân sự chưa ổn định nên vào thời điểm X làm việc, Công ty C2 có giao nhân viên bán hàng (*trong đó có bà X*) hỗ trợ thu hộ công nợ của khách.

Quá trình điều tra xác định: X thấy bản thân có nhiệm vụ được bán hàng và Công ty cho khách hàng có công nợ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của Công ty. X đã dùng thủ đoạn: Xuyên tìm tên những tạp hóa trên địa bàn để tạo đơn đặt hàng giả, tự đặt mặt hàng, số lượng và địa điểm nhận hàng; khi bộ phận giao hàng của Công ty đi giao thì X nói với nhân viên giao hàng là các khách quen, để X tự đi giao cho khách nên yêu cầu vận chuyển số hàng đó về nhà của X tại địa chỉ: K đường T, phường H, thành phố Đà Nẵng. X tự ký vào mục chữ ký của khách hàng trên các phiếu giao hàng. Đồng thời, ghi báo công nợ về Công ty để chậm thanh toán tiền. Sau đó, X lấy số hàng này bán lại cho những người buôn hàng sỉ, lẻ bên ngoài thị trường với giá thấp hơn (*không có thông tin cụ thể về nhân thân*).

Với thủ đoạn trên, từ tháng 06 đến tháng 10/2024, X đã tự lập ra 40 đơn hàng giả và chiếm đoạt các hàng hóa theo sản phẩm của N1 như: sữa nuvi, sữa nuti, sữa nitimilk, nuvi thạch...Số tiền bán hàng được (X không xác định được),

X đã sử dụng trả cho Công ty nhiều lần, với số tiền 29.096.123 đồng (X báo cáo là tiền thu nợ của khách hàng). Số tiền còn lại, X đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Các nhân viên của Công ty đã giao hàng cho X, gồm: Nguyễn Văn T3 đã giao khoảng 02 đơn; Trương Văn Q đã giao khoảng 25 đơn; Phan Công K đã giao khoảng 11 đơn. Còn 02 đơn không xác định được người giao. Khi nhận hàng đi giao, 03 người này có liên hệ cho X để xác nhận thì X yêu cầu giao đến nhà X để X tự giao cho khách hàng, tưởng thật nên đều giao đến nhà cho X. T3, Q, K không biết X chiếm đoạt và không hưởng lợi gì.

Theo thông tin trên các đơn hàng giả, đã xác định và làm việc được những người, gồm: Ngô Thị Mỹ H, Trương Công T4, Nguyễn Thị K1, Nguyễn Đông T5, Bùi Thị Bích T6, Lê Thị Kim D1, Trần Thị H1, Trần Thị X1, Phan Thị Phụng H2, Nguyễn Trần Tuyết N2, Hoàng Thị T7, Nguyễn Hồng Q1, Lê Thị N3, Nguyễn Trung H3, Nguyễn Thị Thanh T8, Trần Thị Kim Á, Huỳnh Thị H4, Nguyễn Văn L, Đặng Thị T9, Trần Văn K2. Những người này đều không đặt các đơn hàng mà X đã chuyển cho công ty, không biết và không liên quan gì đến việc đặt hàng của X.

Vật chứng thu giữ:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Nội quy và quy trình làm việc của Công ty TNHH C2; Hợp đồng lao động, các biên bản làm việc giữa Công ty C2 với Mai Thị Kim X.

+ Danh sách công nợ do Mai Thị Kim X xác nhận; 40 đơn hàng của Công ty C2 đã giao cho Mai Thị Kim X.

Theo Kết luận định giá tài sản số: 147/KL-HĐĐGTS ngày 12/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - U, kết luận: Các sản phẩm trong 40 đơn hàng nêu trên có tổng trị giá là 163.964.269 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2026/HS-ST ngày 03 tháng 3 năm 2026 của là Tòa án nhân dân Khu vực 1 thành phố Đà Nẵng.

Tuyên bố bị cáo Mai Thị Kim X phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Mai Thị Kim X 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam thi hành án.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần xử lý vật chứng, phần án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/3/2026, bị cáo Mai Thị Kim X có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện nuôi 02 con nhỏ và bà ngoại đang ở tuổi 82 tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Mai Thị Kim X vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

- Về thủ tục: Đơn kháng cáo của bị cáo Mai Thị Kim X theo đúng thủ tục và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Xét về nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Mai Thị Kim X thì thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2026/HSST ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Mai Thị Kim X về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Mai Thị Kim X 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo được Công ty TNHH C2 tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do đã khắc phục hoàn toàn, bị cáo là lao động chính duy nhất, bản thân bị cáo đang sống ly thân chồng, hiện nay đang nuôi 02 con nhỏ, trong đó 01 con bị bệnh tự kỷ và bà ngoại 82 tuổi. Mặc dù phạm tội nghiêm trọng, có tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên nhưng mỗi lần phạm tội ít nghiêm trọng, có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và số tình tiết giảm nhẹ rất nhiều quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên vẫn đảm bảo Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022; Nghị quyết số: 03/2025/NQ-HĐTP ngày 10/7/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Thị Kim X, chuyển hình phạt 01 năm 06 tháng tù sang hình phạt tù treo. Thời gian thử thách là 36 tháng.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái với pháp luật, bị cáo mong HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có đủ căn cứ để khẳng định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Mai Thị Kim X đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên HĐXX có đủ cơ sở khẳng định: Từ tháng 01/2024 đến 31/12/2024, bị cáo Mai Thị Kim X là nhân viên bán hàng của Công ty TNHH C2 do ông Trương Quang C làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật. Từ tháng 06 đến tháng 10/2024, bị cáo Mai Thị Kim X đã dùng thủ đoạn gian dối

bằng cách tự lập ra 40 đơn hàng giả với các sản phẩm của N1 như: sữa nuvi, sữa nuti, sữa nitimilk, nuvi thạch...; báo cho Công ty TNHH C2 duyệt đơn, xuất hàng đi giao thì bị cáo X nói dối là khách hàng quen nên để bị cáo X giao trực tiếp, nhân viên giao hàng tưởng thật nên đã giao hàng đến nhà bị cáo X. Bị cáo X lấy hàng bán rẻ lại cho người khác để lấy tiền. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 163.964.269 đồng.

[2] Hành vi của bị cáo dùng thủ đoạn gian dối lập ra các đơn hàng giả để chiếm đoạt hàng hoá của Công ty TNHH C2, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 163.964.269 đồng. Vì vậy có đủ cơ sở xác định: Bản án Hình sự sơ thẩm số: 34/2026/HSST ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Mai Thị Kim X về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Mai Thị Kim X, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù bị cáo phạm tội nghiêm trọng, có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong 29 lần tạo 40 hóa đơn thì mỗi lần tạo các đơn hàng có giá trị trên 2.000.000 đồng (thấp nhất là 259.200 đồng vào ngày 25/9/2024; cao nhất là 18.096.201 đồng vào ngày 29/6/2024). Như vậy, mỗi lần bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng. Mặt khác, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại giai đoạn phúc thẩm, Công ty TNHH C2 đã tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do khắc phục hoàn toàn. Ngoài ra, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; có giấy xác nhận bản thân bị cáo đang sống ly thân chồng và hiện nay là lao động chính duy nhất, đang nuôi 02 con nhỏ, lớn nhất 13 tuổi và nhỏ nhất 9 tuổi trong đó 01 con bị bệnh tự kỷ, được chính quyền địa phương xác nhận và bị cáo còn đang nuôi bà ngoại 82 tuổi do mẹ bị cáo đang chấp hành hình phạt tù. Với hoàn cảnh khó khăn cùng với gia đình hiện tại thì mức án mà bản án cấp sơ thẩm đã tuyên 01 (một) năm 6 (sáu) tháng đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, căn cứ vào nhân thân, rất nhiều tình tiết giảm nhẹ và tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhưng vẫn đảm bảo tính giáo dục, phòng ngừa. HĐXX cấp phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Thị Kim X; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự; Điều 65 Bộ luật hình sự chuyển hình phạt tù giam thành tù cho hưởng án treo là phù hợp, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước Việt Nam nhưng

vẫn đảm bảo đủ điều kiện theo quy định tại Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022; Nghị quyết số: 03/2025/NQ-HĐTP ngày 10/7/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là thể hiện tính nhân văn đối với bị cáo.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do chấp nhận kháng cáo, nên bị cáo Mai Thị Kim X không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Thị Kim X, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo.

2. Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Mai Thị Kim X phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Mai Thị Kim X 01 (*Một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 12/6/2026.

Giao bị cáo Mai Thị Kim X về Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đà Nẵng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (*hai*) lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Mai Thị Kim X không phải chịu 200.000 (*hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Giải thích chế độ án treo)

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Phòng HSNV – CATP Đà Nẵng;
- TAND khu vực 1 – Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 1 – Đà Nẵng;
- CQCSĐT CATP Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bé